

Số: 246/GPMT-BQL

Hải Phòng, ngày 19 tháng 01 năm 2023

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố thành phố Hải Phòng ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 3110/QĐ-UBND ngày 22/9/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thêm mới lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Quyết định số 4610/QĐ-BQL ngày 27/10/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng về phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Dự án sản xuất cáp đồng trục” tại nhà xưởng W1, lô đất CN4.2B tại khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng do Công ty TNHH Demax Cable làm chủ đầu tư;

Xét Văn bản số 20221020/CV-Demax ngày 20/10/2022 của Công ty TNHH Demax Cable về đề nghị cấp giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo; Văn bản số 2912/CV-Demax ngày 29/12/2022 của Công ty TNHH Demax Cable về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường kèm theo hồ sơ đã hoàn thiện của dự án “Dự án sản xuất cáp đồng trục”;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.



## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Demax Cable, địa chỉ tại nhà xưởng W1 (thuê của Công ty TNHH DEEP C RED Hải Phòng), lô đất CN4.2B, khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Dự án sản xuất cáp đồng trục” tại nhà xưởng W1, W2C (thuê của Công ty TNHH DEEP C RED Hải Phòng), lô đất CN4.2B, khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng với các nội dung như sau:

### 1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án sản xuất cáp đồng trục.

1.2. Địa điểm hoạt động: nhà xưởng W1, W2C (thuê của Công ty TNHH DEEP C RED Hải Phòng), lô đất CN4.2B, khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: 7609657189 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng chứng nhận lần đầu ngày 28/01/2019, chứng nhận thay đổi lần thứ 02 ngày 31/3/2021. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0201933775 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 11/02/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 20/9/2019.

1.4. Mã số thuế: 0201933775

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất dây điện, cáp điện (sản xuất cáp đồng trục)

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Diện tích đất sử dụng: xưởng W1: 5.400 m<sup>2</sup>, xưởng W2C: 1.350 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Sản phẩm cáp đồng trục: 166.007 km/năm (tương đương 8.400 tấn/năm), trong đó:

+ Cáp đồng trục RG6: 132.806 km/năm (tương đương 6.720 tấn/năm)

+ Cáp đồng trục RG11: 33.201 km/năm (tương đương 1.680 tấn/năm)

### 2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Demax Cable:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Demax Cable có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 07 năm (từ ngày 19 tháng 01 năm 2023 đến ngày 19 tháng 01 năm 2030).

**Điều 4.** Giấy phép có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. / *M*

*Nơi nhận:*

- UBND TP (để b/c);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Lãnh đạo Ban;
- UBND: phường Đông Hải 2, quận Hải An;
- Công ty TNHH Demax Cable;
- Công ty CP KCN Đình Vũ;
- Các Phòng: QLTNMT, QHXD, QLĐT, HTGS, VPĐD;
- Công TTĐT BQLKKT;
- Lưu: VT. *V*

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Bùi Ngọc Hải**

## Phụ lục 1

### **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI** (Kèm theo Giấy phép môi trường số 246/GPMT-BQL ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

#### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải sau xử lý sơ bộ được thu gom về hệ thống thu gom nước thải chung của đơn vị cho thuê xưởng và thoát hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Đình Vũ, không xả ra môi trường).

- Công ty TNHH Demax Cable đã ký hợp thuê nhà xưởng số WRA.009/2019/WWHP-CS với Công ty TNHH DEEP C RED Hải Phòng (Toàn bộ nước thải của công ty được thu gom về hệ thống thu gom nước thải của Công ty TNHH DEEP C RED Hải Phòng (đơn vị cho thuê nhà xưởng), sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Đình Vũ).

#### **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

##### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải từ khu nhà vệ sinh được thu gom và xử lý sơ bộ qua 02 bể tự hoại. Nước thải sau xử lý sơ bộ cùng nước rửa tay chân, nước làm mát thải được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Đình Vũ.

##### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải**

##### **1.2.1. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:**

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải sinh hoạt: Nước thải khu vệ sinh → Bể tự hoại → Hệ thống thu gom nước thải của Công ty TNHH DEEP C RED Hải Phòng → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Đình Vũ.

- Công suất thiết kế: 02 bể tự hoại 3 ngăn, tổng dung tích 13,4 m<sup>3</sup> (01 bể dung tích 12 m<sup>3</sup>, 01 bể dung tích 1,4 m<sup>3</sup>).

##### **1.2.1. Hệ thống xử lý nước thải sản xuất:**

Nước làm mát từ quá trình đúc ép nhựa:

Nước làm mát có nhiệt độ cao được dẫn về tháp giải nhiệt để giải nhiệt và được tuần hoàn tái sử dụng. Định kỳ 02 lần/tháng thay thế nước mới để làm tăng

hiệu quả giải nhiệt của hệ thống. Nước sau khi thay thế được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Đình Vũ để tiếp tục xử lý trước khi thải ra môi trường.

### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Dự án đã vận hành thử nghiệm theo Công văn số 2172/BQL-TNMT ngày 06/7/2022 của Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng và đã hoàn thành việc vận hành thử nghiệm.

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của cơ sở, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Đình Vũ, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.3. Thực hiện quan trắc môi trường định kỳ (06 tháng/lần) theo cam kết của chủ dự án tại Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom nước thải của Công ty TNHH DEEP C RED Hải Phòng (đơn vị cho thuê nhà xưởng) trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Đình Vũ để tiếp tục xử lý.



## Phụ lục 2

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 246/GPMT-BQL ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:****1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Khí thải từ khu vực đúc ép nhựa và khu vực in.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:****2.1. Vị trí xả khí thải:**

- Dòng khí từ hệ thống xử lý khí thải của khu vực đúc ép nhựa và khu vực in:

$X(m) = 2302599; Y(m) = 606234$

*(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ ).*

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:**

- Dòng khí từ hệ thống xử lý khí thải của khu vực đúc ép nhựa và khu vực in: 22.000 m<sup>3</sup>/giờ.

**2.2.1. Phương thức xả khí thải:**

Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường không khí qua ống thoát khí thải, xả liên tục.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ trước khi thải ra môi trường (Cột B, K<sub>p</sub> = 0,9, K<sub>v</sub> = 1) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ trước khi thải ra môi trường, cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			QCVN 19: 2009/BTNMT (K <sub>p</sub> =0,9, K <sub>v</sub> =1)	QCVN 20: 2009/BTNMT T		
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	Giới hạn cấp phép: 22.000 m <sup>3</sup> /giờ		Không thuộc đối tượng (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP)
2	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	180	-		
3	Etylen Oxit	mg/Nm <sup>3</sup>	-	300		
4	HCl	mg/Nm <sup>3</sup>	-	50		

5	Butanone	mg/Nm <sup>3</sup>	-	360		
---	----------	--------------------	---	-----	--	--

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Khí thải từ hệ thống xử lý khí thải của khu vực đúc ép nhựa và khu vực in được thu gom và xử lý bằng hệ thống xử lý khí thải sử dụng than hoạt tính, khí thải sau xử lý thải ra môi trường qua ống thoát khí thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải, hơi hữu cơ từ công đoạn đúc ép nhựa và công đoạn in → Đường ống thu gom → Hệ thống xử lý khí thải (hấp phụ bằng than hoạt tính) → Ống thoát khí thải.

- Công suất thiết kế: 22.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Chiều cao ống thoát khí thải: 06 m; đường kính ống thoát khí: 500 mm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: than hoạt tính (thay thế định kỳ 03 tháng/lần).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí tự động được quy định tại Khoản 2, Điều 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra, theo dõi thiết bị bảo đảm hệ thống xử lý khí thải hoạt động ổn định.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí.

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Dự án đã vận hành thử nghiệm theo Công văn số 2172/BQL-TNMT ngày 06/7/2022 của Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng và đã hoàn thành việc vận hành thử nghiệm.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Thực hiện quan trắc môi trường định kỳ (06 tháng/lần) theo cam kết của chủ dự án tại Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này.



## Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 246/GPMT-BQL ngày 19 tháng 01 năm 2023  
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh:**

+ Nguồn số 01: Khu vực cửa phía trước của công ty

+ Nguồn số 02: Khu vực cửa phía sau của công ty

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Toạ độ: X(m) = 2302531.09, Y(m) = 606276.85

- Nguồn số 02: Toạ độ: X(m) = 2302605.00, Y(m) = 606330.99

*(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°).*

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT đối với tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT đối với độ rung, cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	<i>Khu vực thông thường</i>

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	6 giờ đến 21 giờ	21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	<i>Khu vực thông thường</i>

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.



2.2. Tuân thủ các tiêu chuẩn về tiếng ồn, độ rung tại nơi làm việc theo quy định hiện hành.

2.3. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.



## Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 246/GPMT-BQL ngày 19 tháng 01 năm 2023  
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Giẻ lau, găng tay thải nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	11.300	18 02 01
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	15	16 01 06
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	18.860	17 02 03
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại thải nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	5.250	18 01 02
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa thải nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	56,5	18 01 01
6	Mực in thải từ hoạt động văn phòng	Rắn	2	08 02 01
7	Hộp mực in thải	Rắn	1	18 02 04
8	Than hoạt tính thải từ hệ thống xử lý khí thải	Rắn	2.000	12 01 04
<b>Tổng lượng chất thải nguy hại</b>			<b>37.484,5</b>	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh bao gồm (túi nilong, dây đai buộc hàng, sản phẩm lỗi hỏng,...): khoảng 368,33 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 31,5 kg/ngày.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 01 container 40 feet (tương đương 29,16 m<sup>2</sup>).

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) bằng vỏ container, kho chứa khép kín, có công trình phòng chống sự cố rò rỉ chất thải nguy hại dạng lỏng ra môi trường bên ngoài. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo quy định, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã chất thải nguy hại, các thùng chứa chất thải nguy hại dạng lỏng được đặt vào các khay kín để chống rò rỉ hoặc chảy tràn ra ngoài, các chất thải dạng rắn được sắp xếp thành các khu riêng biệt, có thùng chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định. Kho tuân thủ đầy đủ các quy định liên quan đến lưu chứa chất thải nguy hại. Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

## **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

- Diện tích: 01 container 20 feet (tương đương 14,79 m<sup>2</sup>) và một phần nhà xưởng W2C với diện tích 250 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo:

+ Kho lưu giữ chất thải nguy hại bằng vỏ container: kho chứa khép kín, có lắp đặt biển cảnh báo theo quy định.

+ Khu vực lưu giữ tại một phần nhà xưởng W2C: Khu vực được bố trí tách biệt với khu vực xung quanh bằng tường rào thép, có cửa ra vào và lắp đặt biển cảnh báo theo quy định.

Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

## **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa 20 lít - 240 lít, có nắp đậy.

2.3.2. Khu vực lưu chứa: Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực xưởng sản xuất, khu vực văn phòng. Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó

sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.



**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 246/GPMT-BQL ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; chịu trách nhiệm đối với chất thải được chuyển giao.
2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.
3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

